

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về phê duyệt Đề án “Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; thực hiện Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 125/TTr-SKHCN ngày 08/11/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Huy động sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò của người đứng đầu, các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hành động và hiệu quả thực chất. Phân đấu nâng thứ hạng DTI 2025 của tỉnh Bắc Ninh lên nhóm **10/34** tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

b) Nâng cao năng lực quản trị số, hạ tầng số, kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân, qua đó cải thiện môi trường điều hành, phát triển kinh tế số, xã hội số, hướng tới chính quyền số hiện đại, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

c) Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 405/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh trong năm 2025.

d) Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số trong các Kế hoạch số 07-KH/TU, 17/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-TW.

2. Yêu cầu

Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của

Chính phủ, Bộ KH&CN, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

Kế hoạch xây dựng phải chi tiết, cụ thể, xác định rõ nhiệm vụ và chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm mỗi chỉ tiêu có một cơ quan chủ trì duy nhất chịu trách nhiệm chính trong tổ chức triển khai và kết quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu nâng cao điểm số và thứ hạng Chỉ số DTI tỉnh Bắc Ninh năm 2025 đạt ≥ 0.75 thuộc nhóm **10 tỉnh/thành phố** dẫn đầu cả nước, cải thiện đáng kể điểm số và thứ hạng của các chỉ số thành phần, đặc biệt là nhóm chỉ số yếu.

2. Mục tiêu cụ thể cho các nhóm chỉ số thành phần

Chỉ số	Bắc Ninh 2024		Bắc Ninh 2025	
	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng
Nhận thức số	1.0000	1	1.0000	1
Thẻ chế số	1.0000	1	1.0000	1
Hạ tầng số	0.8852	17	≥ 0.9000	≤ 12
Nhân lực số	0.7875	16	≥ 0.8000	≤ 12
An toàn thông tin mạng (ATTT mạng)	0.8715	11	≥ 0.9000	≤ 10
Hoạt động CQS	0.4840	29	≥ 0.7000	≤ 15
Hoạt động KTS	0.7978	2	≥ 0.8000	2
Hoạt động XHS	0.6416	6	≥ 0.7000	≤ 5
DTI	0.7474	11/34	≥ 0.7500	$\leq 10/34$

3. Mục tiêu cụ thể cho từng chỉ tiêu và phân công đơn vị chủ trì: Chi tiết tại phụ lục I kèm theo

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao Hoạt động Chính quyền số: Trọng tâm cải thiện năm 2025

a) **Nâng cao tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:** Rà soát, chuẩn hóa và số hóa quy trình nội bộ của 100% dịch vụ công đủ điều kiện, **đặc biệt là các thủ tục có tần suất phát sinh hồ sơ cao** (vì những dịch vụ có số lượng phát sinh hồ sơ nhiều mà không là dịch vụ công trực tuyến toàn trình sẽ kéo tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đi xuống), để chuyển đổi lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Phấn đấu tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt **tối thiểu 60%** trên tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh.

b) **Thúc đẩy nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình:** Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân biết và nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình; Triển khai chiến dịch "Hỗ trợ 100% người dân" tại Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; Bố trí cán bộ, đoàn thanh niên, thành viên Tổ Công nghệ số

cộng đồng hỗ trợ và trang thiết bị đầy đủ để hướng dẫn người dân nộp hồ sơ toàn trình; Đưa tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình vào báo cáo tuần, báo cáo tháng về kết quả giải quyết TTHC để đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị thực hiện. Phấn đấu hết năm 2025 tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt **tối thiểu 25%**.

c) Hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: Khẩn trương rà soát, nâng cấp hệ thống hiện tại để đáp ứng đầy đủ yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và kết nối, đồng bộ hoàn chỉnh với các nền tảng quốc gia: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Phấn đấu năm 2025 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu tối thiểu từ **mức B trở lên**.

d) Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu: Thực hiện rà soát các Hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành của hai tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh (cũ) để thống nhất sử dụng tại tỉnh Bắc Ninh mới. Hoàn thành kết nối và đưa vào sử dụng chính thức **100%** dịch vụ dữ liệu có trên NDXP, tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc về dữ liệu nguồn và chuẩn hóa dữ liệu.

2. Củng cố nhóm chỉ số Nền tảng còn yếu (Hạ tầng số, Nhân lực số, ATTT mạng)

a) Về Hạ tầng số

- **Ứng dụng AI và Nền tảng số dùng chung:** Chủ động phối hợp với Bộ KH&CN, để nắm bắt hướng dẫn kỹ thuật và **triển khai hoàn thành** các nền tảng còn thiếu (Trợ lý ảo phục vụ người dân, công chức) trong năm 2025 và mở rộng ứng dụng AI (AI nâng cao trong y tế, giáo dục, nông nghiệp...) để tạo đột phá.

- **Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu:** Chủ động phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn chưa đáp ứng của Trung tâm Dữ liệu của Bắc Giang cũ, đảm bảo năm 2025 Trung tâm Dữ liệu của Bắc Giang cũ được Bộ Khoa học và Công nghệ **công nhận đạt chuẩn** để tối đa hóa điểm số.

b) Về Nhân lực số

- **Tăng cường đội ngũ chuyên trách:** Kiện toàn và tăng cường tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về CDS tại các Sở, ngành, địa phương. Phấn đấu mỗi cơ quan, đơn vị có tối thiểu 1-2 cán bộ công chức, viên chức chuyên trách về CNTT, CDS; 01 cán bộ chuyên trách về ATTT mạng. Có chính sách đào tạo, thu hút và đãi ngộ xứng đáng cho đội ngũ này.

- **Phổ cập kỹ năng số thực chất:** Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp, đặc biệt cho nhóm người cao tuổi và nông thôn để tăng tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng Bình dân học vụ số và tăng tỷ lệ thành viên Tổ CNSCD/100 dân.

c) Về An toàn thông tin mạng

- **Kiểm tra, đánh giá ATTT:** Chỉ đạo các Sở, ngành **thực hiện nghiêm túc** việc kiểm tra, đánh giá ATTT định kỳ hàng năm cho **100% HTTT cấp độ 3 trở lên** theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

- **Hoàn thiện Phương án ứng cứu sự cố:** Đảm bảo **100% Hệ thống thông tin** có phương án ứng cứu, xử lý sự cố ATTT đã được **phê duyệt và cập nhật** theo quy định.

3. Duy trì và phát huy thế mạnh (Nhận thức số, Thể chế số, Kinh tế số, Xã hội số)

Các chỉ số Nhận thức số, Thể chế số, Hoạt động Kinh tế số và Hoạt động Xã hội số là những trụ cột vững chắc, tạo nền tảng và động lực chính cho Chỉ số DTI chung của tỉnh. Cần duy trì các kết quả này đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng thực thi.

a) Nhận thức số và Thể chế số

- Duy trì sự lãnh đạo, chỉ đạo: Tiếp tục giữ vững sự thống nhất và quyết tâm cao của các cấp lãnh đạo, từ tỉnh đến cơ sở, về tầm quan trọng của chuyển đổi số, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách: Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với các quy định mới của Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ) và thực tiễn phát triển của tỉnh để đảm bảo hành lang pháp lý luôn đầy đủ, đồng bộ, và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc triển khai chuyển đổi số trên cả ba trụ cột.

b) Hoạt động Kinh tế số

Tăng cường hệ sinh thái doanh nghiệp số:

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ cụ thể, hiệu quả để khuyến khích thành lập mới và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt tại khu vực Bắc Giang cũ để nâng cao chỉ tiêu Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1.000 dân (hiện tại Bắc Giang cũ đạt 0,44/0,5).

- Tăng cường truyền thông, hỗ trợ thủ tục để các doanh nghiệp đăng ký và sử dụng rộng rãi tên miền ".vn", giải quyết điểm yếu trong chỉ tiêu Số lượng tên miền ".vn" (Bắc Giang cũ đạt 38,64%; Bắc Ninh cũ 25,33%).

Duy trì tỉ trọng cao: Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy số hóa trong sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử để duy trì tỉ trọng kinh tế số trong GRDP ở mức cao, khẳng định vị thế dẫn đầu cả nước.

c) Hoạt động Xã hội số

Phổ cập kỹ năng số chuyên sâu:

Tăng cường các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về **Kỹ năng CNTT-TT** (hiện đang chưa đạt yêu cầu tối thiểu) cho người dân, tập trung vào các kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến, giao dịch an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân.

Phát triển công cụ giao dịch số an toàn:

Triển khai chiến dịch **phổ cập chữ ký số cá nhân** cho người dân và doanh nghiệp, nâng tỷ lệ này lên mức **tối thiểu 30%** trong năm 2025 (hiện tại Bắc Ninh

mới đạt 19%) để tạo điều kiện thực hiện các giao dịch điện tử có tính pháp lý cao.

(Chi tiết các giải pháp thực hiện và phân công nhiệm các đơn vị chủ trì vụ tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia triển khai Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Thực hiện thu thập số liệu, tài liệu kiểm chứng từ các đơn vị được giao chủ trì thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; tổng hợp số liệu chung các chỉ số của Bộ chỉ số chuyển đổi số, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo yêu cầu.

c) Thực hiện báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này trước ngày 25 hằng tháng và các báo cáo về chỉ số chuyển đổi số theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về chỉ số DTI chung của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, Công an tỉnh, Tỉnh đoàn Bắc Ninh, Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh, UBND cấp xã; các trường Đại học, Cao đẳng, trên địa bàn tỉnh

a) Căn cứ vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công chủ trì, phối hợp tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch này, nghiêm túc tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

b) Thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu kiểm chứng liên quan tới các chỉ tiêu được giao chủ trì tại các Phụ lục I của Kế hoạch này khi có yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ chấm điểm, đánh giá xếp loại chỉ số DTI của tỉnh. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về chỉ tiêu, điểm số của các chỉ tiêu được giao chủ trì.

c) Các sở, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị chủ trì yêu cầu phối hợp và thực hiện chế độ báo cáo (khi có yêu cầu từ đơn vị chủ trì). Chịu trách nhiệm trước đơn vị chủ trì về chỉ tiêu, điểm số của các chỉ tiêu được giao phối hợp.

d) Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các chỉ tiêu tại Phụ lục I và chủ trì các nhiệm vụ tại Phụ lục II, thực hiện **báo cáo định kỳ hằng tháng** về tình hình, kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao chủ trì gửi về Sở KH&CN **trước ngày 20** hằng tháng để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, tổng hợp và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Tỉnh đoàn Bắc Ninh, Báo và PTTH tỉnh;
- Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP; KGVX;
- + Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Phụ lục I
PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DTI 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ					
1	<i>Nhận thức số</i>					
1.1	Người đứng đầu Tỉnh, thành phố (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, thành phố) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tỉnh	Đạt	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	
1.2	Ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số	Đạt	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương
1.3	Cổng thông tin điện tử của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số hoặc có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số và đưa từ 52 tin, bài/ năm trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN và các sở, ngành, địa phương
1.4	Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng tin, bài đạt từ 52 tin bài/năm trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Báo và Đài PTTH Bắc Ninh	Các sở, ngành; địa phương
1.5	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng phát sóng về chuyển đổi số đạt từ 12 lần phát sóng/năm trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Báo và Đài PTTH Bắc Ninh	Các sở, ngành; địa phương
2	<i>Thế chế số</i>					
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của Tỉnh, thành phố	Đạt	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
2.2	Ban hành Kế hoạch hành động 5 năm và hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số	Đạt	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
2.3	Ban hành, cập nhật Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc	Đạt	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam					
2.5	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) bao gồm chính sách giảm phí, lệ phí và chính sách giảm thời gian	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành; địa phương
3	Hạ tầng số					
3.1	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng	Đạt: 100%	Đạt: 100%	Đạt 100%	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
3.2	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định	Chưa đạt: 99,72%	Đạt: 100%	Đạt 100%	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
3.3	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân	Chưa đạt: 96,4%	Đạt: 100%	Đạt 100%	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
3.4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang (yêu cầu trên 80%)	Đạt trên 80%	Đạt trên 80%	Đạt trên 80%	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
3.5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Đạt 1/2 tiêu chí: Đã triển khai nhưng chưa đạt tiêu chuẩn của Bộ	Đạt: Đã triển khai và đạt tiêu chuẩn của Bộ	Đạt: Được Bộ KH&CN công nhận đạt chuẩn	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
3.6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	Chưa đạt: 5/7 nền tảng số đã triển khai theo hướng dẫn của Bộ TT&TT	Đạt: 7/7 nền tảng số đã triển khai theo hướng dẫn của Bộ TT&TT	Đạt: 7/7	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
3.7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)					

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Có ứng dụng AI phục vụ CCVC	Đạt	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương
	Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp	Chưa đạt: Chưa có	Đạt	Đạt	Sở KH&CN	
	Có ứng dụng AI nâng cao khác	Chưa đạt: Chưa có	Chưa đạt	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành
4	Nhân lực số					
4.1	Sở, ban, ngành, huyện, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương
4.2	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số (yêu cầu 10%/ tổng số CBCCVV của tỉnh)	Đạt 100%	Chưa đạt	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 1-5 cán bộ chuyên trách về CNTT, CDS	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương
4.3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin mạng (yêu cầu 1%/ tổng số CBCCVV của tỉnh)	Đạt 100%	Đạt 100%	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 1-2 cán bộ chuyên trách về ATTT	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương
4.4	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Đạt: 100%	Đạt: 100%	Đạt 100%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; địa phương

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4.5	Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân (yêu cầu 5%/ Tổng dân số là thành viên Tổ CNSCĐ)	Đạt: Toàn tỉnh có khoảng 20.000 thành viên Tổ CNSCĐ,	Chưa đạt: 1.04%	Phấn đấu đạt 5% dân số là thành viên Tổ CNSCĐ/100 dân	Sở KH&CN	Tỉnh đoàn thanh niên và UBND cấp xã
4.6	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số (từ 15 tuổi trở lên)	Đạt: 100%	Chưa đạt: 74.9%	100% công dân đủ điều kiện (<i>công dân đã được cấp căn cước công dân, có sử dụng điện thoại thông minh, sim điện thoại</i>).	Công an tỉnh	Sở KH&CN, UBND cấp xã
5	<i>An toàn thông tin mạng</i>	Thực trạng DTI Bắc Giang (cũ)	Thực trạng DTI Bắc Ninh (cũ)			
5.1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn	Đạt: 100%	Chưa Đạt: 97.37%	Đạt: 100%	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
5.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	Đạt: 100%	Đạt: 100%	Đạt: 100%	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
5.3	Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung	Chưa đạt: 97.06%	Đạt: 100%	Đạt: 100%	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5.4	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm	Chưa đạt: 62.5%	Chưa đạt: 69.23%	Đạt: 100%	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
5.5	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	Chưa đạt: 62.5%	Chưa đạt: 69.23%	Đạt: 100%	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
5.6	Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg	Chưa đạt: 95.59%	Chưa Đạt: 92.11%	Đạt: 100%	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
5.7	Cổng thông tin điện tử được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN
5.8	Cổng Dịch vụ công được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Sở KH&CN
6	<i>Hoạt động chính quyền số</i>					
6.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh
6.2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt: Mức B	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành; địa phương
6.3	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố	Chưa đạt: 87.5% (14/16)	Chưa đạt: 56,25% (09/16)	Đạt: 100%	Sở KH&CN	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm PV HCC

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Chưa đạt: 54.58/60% theo yêu cầu	Chưa đạt: 44,59%/60% theo yêu cầu	Đạt: 60%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương
6.5	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (yêu cầu trên 80%)	Đạt: 99.58%	Chưa đạt. 54%	Đạt: Trên 80%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương
6.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình (yêu cầu trên 70%)	Chưa đạt: 19.11%	Chưa đạt: 7,5%	25%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương
6.7	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Đạt: 100%	Đạt: 98,99%	Đạt: 100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương
6.8	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công	Đạt: 99.23%	Đạt 90,74%	Đạt: Trên 99%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương
6.9	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Đạt: 1.58%	Chưa đạt: 0,78%	Đạt: Trên 1%	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương
7	Hoạt động kinh tế số					
7.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Đạt: 51.26%	Đạt. 48,12%	Đạt	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	DTI 2024 Bắc Giang	DTI 2024 Bắc Ninh (cũ)	Mục tiêu DTI 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	Chưa đạt: 0.44/0.5	Đạt: 1,35%/0.5	Đạt: Trên 0.5	Sở Tài chính	Sở KH&CN
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử (yêu cầu trên 80%)	Đạt: trên 80%	Đạt: trên 80%	Đạt trên 80%	Sở KH&CN	Sở KH&CN, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Nội vụ, Ban QL các KCN tỉnh, Công an tỉnh, Cục thuế tỉnh, UBND các xã, phường
7.4	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	Đạt: 81.59%	Đạt: 92,64%	Đạt: 100%	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương
7.5	Số lượng tên miền .vn	Chưa đạt: 38.64%	Chưa đạt: 25,33%	50%	Sở Tài chính	Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở Công thương, Các trường CD, ĐH, UBND cấp xã
8	Hoạt động xã hội số					
8.1	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử	Đạt: 100%	Chưa đạt: 75,2%	100% công dân đủ điều kiện	Công an tỉnh	UBND cấp xã
8.2	Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân (yêu cầu tối thiểu 50%)	Chưa đạt: 8.86%	Chưa đạt: 23,18%	Trên 30%	Tinh đoàn Bắc Ninh	Công an tỉnh, Sở KH&CN, UBND cấp xã
8.3	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông (yêu cầu tối thiểu 70%)	Chưa đạt: 49.5%	Chưa đạt: 52,49%	70%	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, Tinh đoàn thanh niên, UBND cấp xã

Phụ lục II
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ DTI NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số _____ /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
III	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ					
1	Nhận thức số					
1.1	Người đứng đầu Tỉnh, thành phố (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, thành phố) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyên đổi số của Tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tham mưu duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của BCĐ tỉnh.	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương		Thường xuyên
1.2	Ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyên đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với các quy định mới của Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ) và thực tiễn phát triển của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh ban hành đảm bảo hành lang pháp lý luôn đầy đủ, đồng bộ, và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc triển khai CDS trên cả ba trụ cột	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương	Các văn bản chỉ đạo ban hành	Thường xuyên (Theo hướng dẫn của Bộ KH&CN)
1.3	Cổng thông tin điện tử của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyên đổi số hoặc có chuyên trang cấp tỉnh về chuyên đổi số và đưa từ 52 tin, bài/ năm trở lên	Văn phòng UBND tỉnh duy trì cập nhật tin, bài viết về chuyên đổi số lên chuyên trang, chuyên mục CDS của tỉnh đảm bảo mức tối thiểu 52 tin, bài/ 1 năm.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN và các sở, ngành, địa phương	Tối thiểu 52 tin, bài/năm	Thường xuyên

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1.4	Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng tin, bài đạt từ 52 tin bài/ năm trở lên	Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh tiếp tục duy trì các tin, bài viết về CĐS trên chuyên mục CĐS của Báo đảm bảo mức tối thiểu 52 tin, bài/ năm	Báo và Đài PTTH Bắc Ninh	Các sở, ngành; địa phương	Tối thiểu 52 tin, bài/năm	Thường xuyên
1.5	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng phát sóng về Chuyển đổi số đạt từ 12 lần phát sóng/năm trở lên	Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh tiếp tục duy trì chuyên mục CĐS và số lượng phát sóng trên Đài PTTH tỉnh đảm bảo tối thiểu 12 lần phát sóng/năm	Báo và Đài PTTH Bắc Ninh	Các sở, ngành; địa phương	Tối thiểu 12 lần phát sóng/năm	Thường xuyên
2	Thẻ chế số					
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của Tỉnh, thành phố	Tỉnh ủy Bắc Ninh đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Sở KH&CN tiếp tục tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành các văn bản chính sách mới khi có sự chỉ đạo của Trung ương.	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	Nghị quyết hoặc Kế hoạch	Thường xuyên (Khi có hướng dẫn từ TW)
2.2	Ban hành Kế hoạch hành động 5 năm và hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số	UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Sở KH&CN tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản, chính sách mới khi có sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ KH&CN	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	Chiến lược/Kế hoạch	Đã hoàn thành

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2.3	Ban hành, cập nhật Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam	Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ban hành Khung Kiến trúc số tỉnh Bắc Ninh theo Khung Kiến trúc số quốc gia Việt Nam phiên bản mới nhất và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	Khung kiến trúc số tỉnh Bắc Ninh	Tháng 12 (theo hướng dẫn của Trung ương)
2.5	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) bao gồm chính sách giảm phí, lệ phí và chính sách giảm thời gian	Trung tâm phục vụ HCC tiếp tục tham mưu UBND tỉnh Ban hành văn bản chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau sáp nhập) hoặc khi có văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành; địa phương	Nghị quyết của HĐND	Khi có hướng dẫn của TW
3	Hạ tầng số					
3.1	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng	Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng mạng viễn thông cố định, di động; nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông; có chính sách ưu đãi hỗ trợ, khuyến mãi... thiết bị đầu cuối thông minh, cước phí sử dụng dịch vụ viễn thông cho các khách hàng. Phấn đấu 100% thôn, bản được phủ sóng di động, cố định, 100% thuê bao băng rộng/ 100 dân, trên 80 hộ gia đình có internet cáp quang	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	100%	Năm 2025
3.2	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng băng rộng cố định				100%	
3.3	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân				100%	
3.4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang				Trên 80%	

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
3.5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo năm 2025 Trung tâm Dữ liệu của tỉnh Bắc Ninh mới được Bộ KH&CN công nhận đạt chuẩn để tối đa hóa điểm số.	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	TTTHDL được công nhận đạt chuẩn	Năm 2025
3.6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	Các sở, ngành tiếp tục duy trì phát triển các nền tảng số đã triển khai; Tiếp tục tham mưu đưa vào triển khai tại tỉnh các nền tảng số quốc gia đã triển khai tại các Bộ, ngành ở trung ương; Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tham mưu triển khai: Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức hoàn thiện trong năm 2025	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	7/7 nền tảng theo hướng dẫn của Bộ	Năm 2025
3.7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)					
	Có ứng dụng AI phục vụ CCVC	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tham mưu triển khai, nâng cấp, tích hợp đưa AI vào trong các HTTT, nền tảng số phục vụ CCVC và người dân doanh nghiệp	Sở KH&CN	Các sở, ngành; địa phương	Có AI phục vụ người dân, DN	Năm 2025
	Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp					
	Có ứng dụng AI nâng cao khác	Ngành y tế tham mưu triển khai, nâng cấp, tích hợp đưa AI vào trong các hệ thống chuyên ngành của ngành y tế	Sở Y tế	Sở KH&CN	Có ứng dụng AI trong y tế.	Năm 2025
		Ngành Giáo dục tham mưu triển khai, nâng cấp, tích hợp đưa AI vào trong các hệ thống chuyên ngành của ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN	Có ứng dụng AI trong Giáo dục.	Năm 2025

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Ngành Nông nghiệp và Môi trường tham mưu triển khai, nâng cấp, tích hợp đưa AI vào trong các hệ thống chuyên ngành của ngành Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở KH&CN	Có ứng dụng AI trong Nông nghiệp Môi trường.	Năm 2025
		Ngành Xây dựng tham mưu triển khai, nâng cấp, tích hợp đưa AI vào trong các hệ thống chuyên ngành của ngành Xây dựng, giao thông	Sở Xây dựng	Sở KH&CN	Có ứng dụng AI trong Xây dựng, giao thông.	Năm 2025
4	Nhân lực số					
4.1	Sở, ban, ngành, huyện, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	Sở Nội vụ tiếp tục chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, bố trí cán bộ chuyên trách CNTT, CDS đảm bảo mỗi cơ quan đều có đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số - Báo cáo kết quả kèm theo danh sách các sở, ngành, địa phương có bố trí cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT, CDS của các cơ quan, đơn vị gửi về Sở KH&CN trước ngày 20/12/2025	Sở Nội vụ	Sở KH&CN, Các sở, ngành, địa phương	100% sở, ngành, xã phường bố trí cán bộ chuyên trách CNTT, CDS	Năm 2025 và các năm tiếp theo
4.2	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số (yêu cầu 10%/ tổng số CBCCVC của tỉnh)	- Sở Nội vụ tiếp tục chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, bố trí cán bộ chuyên trách CNTT, CDS đảm bảo tối thiểu mỗi cơ quan cấp sở, cấp xã có ít nhất 01-05 cán bộ công chức, viên chức là chuyên trách CNTT, CDS - Báo cáo kết quả kèm theo danh sách cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT, CDS của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Sở KH&CN trước ngày 20/12/2025	Sở Nội vụ	Sở KH&CN, Các sở, ngành, địa phương		
4.3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin mạng	Sở Nội vụ tiếp tục chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, bố trí cán bộ chuyên trách về ATTT đảm bảo tối thiểu mỗi cơ quan, địa phương có 01-02 cán bộ	Sở Nội vụ	Công an tỉnh, Các sở, ngành,	100% sở, ngành, xã phường bố trí	Năm 2025 và các

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		công chức, viên chức là chuyên trách ATTT Báo cáo kết quả kèm theo danh sách cán bộ chuyên trách, phụ trách ATTT của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Sở KH&CN trước ngày 20/12/2025		địa phương	cán bộ chuyên trách ATTT	năm tiếp theo
4.4	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Sở Nội vụ tiếp tục chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, tập huấn bồi dưỡng về chuyển đổi số cho CBCCVC trên địa bàn tỉnh theo các KH đã ban hành.	Sở Nội vụ	Sở KH&CN, Các sở, ngành; địa phương	100%	Thường xuyên
4.5	Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân (yêu cầu 5%/ Tổng dân số là thành viên Tô CNSCĐ)	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đôn đốc UBND các xã, phường thành lập, kiện toàn Tô CNSCĐ cấp xã và cấp thôn theo hướng mở rộng các thành viên đáp ứng tỉ lệ theo quy định của Bộ	Sở KH&CN	UBND các xã, phường	Văn bản của Sở KH&CN	Trước 15/11/2025
4.6	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số	Công an tỉnh tiếp tục triển khai, phổ biến, đôn đốc, hướng dẫn cán bộ công chức, viên chức, người dân tham gia học tập trực tuyến trên Nền tảng Bình dân học vụ số	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	100% công dân đủ điều kiện (công dân đã được cấp căn cước/cán cước công dân, có sử dụng điện thoại thông minh, sim điện thoại).	Thường xuyên
		UBND cấp xã chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tăng cường tuyên truyền nền tảng bình dân học vụ số đến người dân trên địa bàn, chỉ đạo Tô CNSCĐ tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng bình dân học vụ số.	UBND cấp xã	Công an tỉnh		
		Báo và Đài phát thanh truyền hình Bắc Ninh tăng cường tuyên truyền, đưa tin, bài viết, phóng sự lan tỏa Phong trào Bình dân học vụ số đến mọi đối tượng người dân; tuyên truyền, phổ biến để người dân biết về lợi ích, ý nghĩa của nền tảng Bình dân học vụ số và việc tham gia học tập trên nền tảng này tới quần chúng nhân dân dưới nhiều hình thức khác nhau.	Báo và Đài PTTH Bắc Ninh	Các sở, ngành, địa phương		

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Tinh đoàn thanh niên triển khai "chiến dịch thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số" cho người dân.	Tinh đoàn thanh niên	Các sở, ngành, địa phương		
		Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đôn đốc các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai phong trào Bình dân học vụ số	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương		
5	<i>An toàn thông tin mạng</i>					
5.1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Công an tỉnh tiếp tục rà soát, đôn đốc các sở, ngành, xã, phường xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin đầu tư xây dựng mới, các HTTT của các cơ quan, đơn vị chưa hoàn thành phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ. - Các sở, ngành, xã, phường tiếp tục rà soát xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ gửi Công an tỉnh thẩm định, phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt đối với HTTT do cơ quan, quản lý vận hành 	Công an tỉnh	Các sở, ngành, xã, phường	100% HTTT được phê duyệt cấp độ	Thường xuyên
5.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Công an tỉnh tiếp tục thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt. - Các sở, ngành, địa phương triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt cho các Hệ thống thông tin đang vận hành. 	Công an tỉnh	Các sở, ngành, xã, phường	100%	Thường xuyên

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5.3	Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung	Xây dựng trung tâm giám sát an ninh mạng của tỉnh, mở rộng kết nối tới toàn bộ các hệ thống thông tin	Công an tỉnh	Các sở, ngành; địa phương	Trung tâm giám sát	Năm 2026
5.4	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm	Tổ chức thực hiện theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 10/9/2025 về kiểm tra an ninh, an toàn các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (đảm bảo đầy đủ 100% hoàn thành chỉ tiêu)	Công an tỉnh	Các sở, ngành; địa phương	Kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh	Tháng 12/2025
5.5	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	Tổ chức thực hiện theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 10/9/2025 về kiểm tra an ninh, an toàn các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (đảm bảo đầy đủ 100% hoàn thành chỉ tiêu)	Công an tỉnh	Các sở, ngành; địa phương	Kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh	Tháng 12/2025
5.6	Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg	Công an tỉnh tham mưu xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bắc Ninh; rà soát các hệ thống thông tin chưa ban hành phương án ứng phó sự cố, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị hoàn thành việc xây dựng và ban hành phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin	Công an tỉnh	Các sở, ngành; địa phương	100%	Tháng 12/2025
5.7	Công thông tin điện tử được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Đã được cấp tín nhiệm mạng	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN		Thường xuyên

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5.8	Công Dịch vụ công được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Đã được cấp tín nhiệm mạng	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Sở KH&CN		Thường xuyên
6	<i>Hoạt động chính quyền số</i>					
6.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, nâng cấp, chỉnh sửa Cổng TTĐT đáp ứng các yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh	Cổng TTĐT đáp ứng yêu cầu quy định	Năm 2025
6.2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh (trung tâm Phục vụ HCC) kiểm tra, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu tối thiểu mức B trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành; địa phương	Đáp ứng mức B trở lên	Năm 2025
6.3	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ: (1) rà soát thống nhất sử dụng hệ thống, cơ sở dữ liệu của 2 tỉnh (Bắc Ninh cũ, Bắc Giang cũ) tại tỉnh Bắc Ninh mới đối với Hệ thống, CSDL của ngành KH&CN; (2) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thành công với Hệ thống của Bộ KH&CN; (3) Thường xuyên khai thác, sử dụng mô hình kết nối để phát sinh dữ liệu giao dịch thành công.	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC)	100% có trên NDXP đưa vào sử dụng tại tỉnh	Năm 2025
		Sở Tài chính: (1) rà soát thống nhất sử dụng hệ thống, cơ sở dữ liệu của 2 tỉnh (Bắc Ninh cũ, Bắc Giang cũ) tại tỉnh Bắc Ninh mới đối với Hệ thống, CSDL của ngành Tài chính; (2) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thành công với Hệ thống của Bộ Tài chính; (3) Thường xuyên khai	Sở Tài chính	Văn phòng UBND tỉnh (Trung	100% có trên NDXP đưa vào sử dụng tại tỉnh	Năm 2025

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		thác, sử dụng mô hình kết nối để phát sinh dữ liệu giao dịch thành công.		tâm PV HCC)		
		Sở Xây dựng: (1) rà soát thống nhất sử dụng hệ thống, cơ sở dữ liệu của 2 tỉnh (Bắc Ninh cũ, Bắc Giang cũ) tại tỉnh Bắc Ninh mới đối với Hệ thống, CSDL của ngành Xây dựng ; (2) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thành công với các Hệ thống của Bộ Xây dựng; (3) Thường xuyên khai thác, sử dụng mô hình kết nối để phát sinh dữ liệu giao dịch thành công.	Sở Xây dựng	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC)	100% có trên NDXP đưa vào sử dụng tại tỉnh	Năm 2025
		Sở Nông nghiệp và Môi trường: (1) rà soát thống nhất sử dụng hệ thống, cơ sở dữ liệu của 2 tỉnh (Bắc Ninh cũ, Bắc Giang cũ) tại tỉnh Bắc Ninh mới đối với Hệ thống, CSDL của ngành Nông nghiệp và Môi trường ; (2) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thành công với Hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (3) Thường xuyên khai thác, sử dụng mô hình kết nối để phát sinh dữ liệu giao dịch thành công.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC)	100% có trên NDXP đưa vào sử dụng tại tỉnh	Năm 2025
6.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm HCC) tiếp tục phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, chuẩn hóa đưa các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ toàn trình sao cho tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình/ tổng số dịch vụ công đạt tối thiểu 60%, trong đó đặc biệt chú trọng các dịch vụ công phát sinh nhiều hồ sơ.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương	60%	Năm 2025
6.5	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Tiếp tục duy trì tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến sao cho tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến $\geq 80\%$.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương	$>80\%$	Thường xuyên

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
6.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai chiến dịch "Hỗ trợ 100% người dân" tại Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; bố trí cán bộ, đoàn thanh niên, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng hỗ trợ và trang thiết bị đầy đủ để hướng dẫn người dân nộp hồ sơ toàn trình - Đưa tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình vào báo cáo tuần, báo cáo tháng để đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan đơn vị thực hiện. - Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về lợi ích và cách thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương	25%	2025
6.7	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện DVCTT - Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ CNSCD trong hướng dẫn, vận động người dân sử dụng DVCTT - Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo lập và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID. 	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương	100%	Thường xuyên
6.8	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm PVHCC Tăng cường đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định, tránh gây bức xúc, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. - Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đảm bảo việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC của người dân và doanh nghiệp đúng hạn theo quy định. Trường hợp hồ sơ quá hạn có thư xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân 	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ HCC)	Các sở, ngành, địa phương	100%	Thường xuyên

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
6.9	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Tiếp tục duy trì tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho Chính quyền số đạt trên 1% tổng chi ngân sách.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Đạt trên 1%	Năm 2025
7	Hoạt động kinh tế số					
7.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Tiếp tục duy trì tỉ trọng kinh tế số trên 40% GRDP	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương	Đạt trên 40%	Năm 2025
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	Sở Tài chính tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hộ kinh doanh chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghệ số.	Sở Tài chính	Sở KH&CN	Đạt trên 2000 DN công nghệ số	Năm 2025
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Sở Công Thương tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sử dụng hợp đồng điện tử trong các hoạt động thương mại	Sở Công Thương	Sở KH&CN	Trên 80%	2025
		Sở Nội vụ chỉ đạo đẩy mạnh sử dụng hợp đồng lao động điện tử trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở KH&CN		
		Sở Tài chính: Đẩy mạnh triển khai hợp đồng điện tử trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đấu thầu, mua sắm công và thanh toán điện tử; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, đơn vị sử dụng hợp đồng điện tử, thúc đẩy minh bạch hóa giao dịch tài chính và hoạt động đầu tư công.	Sở Tài chính	Sở KH&CN		
		Sở Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh ký kết hợp đồng điện tử đối với các hợp đồng viễn thông, internet tại các doanh nghiệp.	Sở KH&CN			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		UBND các xã, phường: Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tính pháp lý của hợp đồng điện tử đến hộ kinh doanh, tổ hợp tác; phối hợp cập nhật, tổng hợp dữ liệu về tình hình sử dụng hợp đồng điện tử trên địa bàn gửi Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ.	UBND cấp xã	Sở KH&CN		
7.4	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp Bưu chính duy trì và nâng cao tỉ lệ điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương	100%	Năm 2025
7.5	Số lượng tên miền .vn	Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các hội, hiệp hội, tổ chức đoàn thể tích cực tuyên truyền về lợi ích khi xây dựng website tới các doanh nghiệp; triển khai "Chương trình thúc đẩy người dân, doanh nghiệp hiện diện trực tuyến an toàn, tin cậy với tên miền quốc gia ".vn" trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (phối hợp với Trung tâm Internet Việt Nam - Bộ KH&CN)	Sở KH&CN	Các sở, ngành, UBND cấp xã	50% DN có tên miền	Năm 2025
		Sở Công thương: Tích hợp yêu cầu và hỗ trợ đăng ký tên miền ".vn" vào các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương mại điện tử	Sở Công Thương	Sở KH&CN		
		Sở Tài chính: Tuyên truyền và hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp mới thành lập đăng ký tên miền ngay trong quá trình cấp phép kinh doanh (theo Chương trình Hiện diện trực tuyến với tên miền quốc gia .vn, các đối tượng trên được hưởng ưu đãi miễn phí 02 năm tên miền biz.vn và các dịch vụ số đi kèm: website, email)	Sở Tài chính	Sở KH&CN		
		UBND cấp xã: Triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và phổ biến đến cấp xã, phường và các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn.	UBND cấp xã	Sở KH&CN		

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh triển khai Chương trình Hiện diện trực tuyến với tên miền quốc gia .vn, sinh viên trong độ tuổi 18-23 được hưởng ưu đãi miễn phí 02 năm tên miền id.vn và các dịch vụ số đi kèm: website, email)	Các Trường ĐH, CĐ	Sở KH&CN		
8	<i>Hoạt động xã hội số</i>					
8.1	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử	Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai cấp định danh điện tử từ cấp xã, phường	Công an tỉnh	UBND cấp xã	100% công dân đủ điều kiện	2025
8.2	Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân (yêu cầu tối thiểu 50%)	Ban hành kế hoạch triển khai cấp chữ ký số cho người dân. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh triển khai cấp chữ ký số cho người dân. Thành lập các tổ chữ ký số cộng đồng tại Đoàn thanh niên xã, phường và Đoàn thuộc (tối thiểu 30 người/ đội hình) hỗ trợ cấp chữ ký số cho người dân. Tổ chức Chương trình ra quân đồng loạt cài đặt chữ ký số cho công dân vào dịp Chiến dịch tình nguyện mùa đông 2025 - xuân tình nguyện 2026; tháng thanh niên 2026; chiến dịch tình nguyện hè 2026	Tỉnh đoàn Bắc Ninh	UBND cấp xã	Trên 30% dân số trưởng thành có chữ ký số	Năm 2025
8.3	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông (yêu cầu tối thiểu 70%)	Công an tỉnh tiếp tục triển khai, phổ biến, đôn đốc, hướng dẫn cán bộ công chức, viên chức, người dân tham gia học tập trực tuyến trên Nền tảng Bình dân học vụ số	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	70% người dân biết kỹ năng về	2025

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nhiệm vụ Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		UBND cấp xã chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tăng cường tuyên truyền nền tảng bình dân học vụ số đến người dân trên địa bàn, chỉ đạo Tổ CNSCĐ tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng bình dân học vụ số.	UBND cấp xã	Công an tỉnh	CNTT, truyền thông	
		Báo và Đài phát thanh truyền hình Bắc Ninh tăng cường tuyên truyền, đưa tin, bài viết, phóng sự lan tỏa Phong trào Bình dân học vụ số đến mọi đối tượng người dân; tuyên truyền, phổ biến để người dân biết về lợi ích, ý nghĩa của nền tảng Bình dân học vụ số và việc tham gia học tập trên nền tảng này tới quần chúng nhân dân dưới nhiều hình thức khác nhau.	Báo và Đài PTTH Bắc Ninh	Các sở, ngành, địa phương		
		Tinh đoàn thanh niên triển khai "chiến dịch thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số" cho người dân.	Tinh đoàn thanh niên	Các sở, ngành, địa phương		
		Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đôn đốc các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai phong trào Bình dân học vụ số	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương		